TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN HẢI** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2022.
V/v tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nghi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hường
2. Bà Lê Thị Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải*:* Không.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về "*Tranh chấp xin ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Trưởng T, sinh năm 1958 *(Có mặt)*.

Địa chỉ: Ấp BB, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1958 *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: Ấp BB, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/12/2021 nguyên đơn ông Đoàn Trưởng T trình bày: Ông T và bà N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1980 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LS ngày 01/4/1982. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, tính tình không còn phù hợp, ông T và bà N đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay ông T xin được ly hôn với bà N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà N có 03 con chung tên: Đoàn Thị N, sinh năm 1982; Đoàn Thị Ánh N, sinh năm 1985 và Đoàn Thị Giao L, sinh năm 1995. Hiện các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần gửi văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trương Thị N nhưng bà N không đồng ý nhận văn bản.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Thành vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn ông Đoàn Trưởng T khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bà Trương Thị N nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện KH.

- Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn bà Trương Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Trưởng T xin được ly hôn với bà Trương Thị N là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa ông T và bà N đã có nhiều mâu thuẫn trong nhiều năm và đã ly thân hơn mười năm nay, không còn chăm sóc, giúp đở nhau. Từ đó nhận thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời tại biên bản hòa giải ấp BB, xã LS, huyện KH lập ghi năm 2020 thể hiện ý kiến bà N là đồng ý ly hôn với ông T.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Đoàn Trưởng T được ly hôn với bà Trương Thị N.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà N có 03 con chung tên: Đoàn Thị N, sinh năm 1982; Đoàn Thị Ánh N, sinh năm 1985 và

Đoàn Thị Giao L, sinh năm 1995. Hiện các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đoàn Trưởng T được miễn toàn bộ án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Đoàn Trưởng T được ly hôn với bà Trương Thị N.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà N có 03 con chung tên: Đoàn Thị N, sinh năm 1982; Đoàn Thị Ánh N, sinh năm 1985 và Đoàn Thị Giao L, sinh năm 1995. Hiện các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đoàn Trưởng T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- UBND xã Lại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Nghi